TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 01 - 2018
"V/v tranh chấp không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Huỳnh Văn Út**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Duyên Văn Hiền**

Bà **Nguyễn Kim Lên**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lâm Thành Quang** – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 352/2017/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2017 tranh chấp về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Ấp Rạch Nhum, xã Khánh Bình Đ, huyện Trần Văn Th, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh Ng**, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Ấp Rạch Nhum, xã Khánh Bình Đ, huyện Trần Văn Th, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Trần Thị L với anh Nguyễn Thanh Ng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn. Do bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc, nên chị L xin ly hôn với anh Ng. Tại biên bản hòa giải, đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 17/01/2018, anh Ng xác định, anh Ng và chị L chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị L xin ly hôn, anh Ng đồng ý.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Vĩnh Kh, sinh năm 2014. Khi ly hôn, chị L và anh Ng thỏa thuận để con chung cho anh Ng nuôi, không đặt ra cấp dưỡng.

Về nợ chung, tài sản chung: Các bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về hôn nhân gia đình, các đương sự có nơi cư trú xã Khánh Bình Đ, huyện Trần Văn Th, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Th, tỉnh Cà Mau thụ lý là đúng thẩm quyền theo các Điều được quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố dụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, chị Trần Thị L và anh Nguyễn Thanh Ng chung sống với nhau vào năm 2011, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân của anh, chị không được pháp luật công nhận. Nay, chị L yêu cầu ly hôn, anh Ng trình bày quan điểm là đồng ý, nên cần xem xét không công nhận chị L và anh Ng là vợ chồng là phù hợp luật định.

[3] Về con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Vĩnh Kh, sinh năm 2014. Khi ly hôn, chị L và anh Ng thỏa thuận để con chung cho anh Ng nuôi, không đặt ra cấp dưỡng. Xét việc thỏa thuận này là tự nguyện của các bên, phù hợp luật định, nên được chấp nhận. Chị L không trực tiếp nuôi con được quyền chăm sóc, giáo dục con chung.

[4] Về nợ chung, tài sản chung: Các bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về thủ tục tố tụng, do anh Nguyễn Thanh Ng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên vụ án được xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận chị **Trần Thị L** và anh **Nguyễn Thanh Ng** là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vĩnh Kh, sinh năm 2014 cho anh Nguyễn Thanh Ng nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng. Chị L không trực tiếp nuôi con được quyền chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về nợ chung, tài sản chung: Các bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Trần Thị L phải nộp số tiền 300.000đ. Vào ngày 12/6/2017, chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0007056 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Ng vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Khánh Bình Đông, huyện TVT, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Văn Út